

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/DS-ST.

Ngày: 12/9/2024

V/v tranh chấp yêu cầu công nhận di
chức, đòi lại quyền sử dụng đất và yêu
cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Thanh Vũ

Ông Nguyễn Văn Tân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 07 năm 2019 về tranh chấp yêu cầu công nhận di chúc, đòi lại quyền sử dụng đất yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2024/QĐXXST – DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần P, sinh năm 1954 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần S, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn A, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn A: Ông Trần S, sinh năm 1973, là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền lập ngày 29/8/2019. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn N, sinh năm 1979 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ A, ấp F, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
2. Bà Trần H, sinh năm 1956. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.
3. Bà Trần M, sinh năm 1957. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.
4. Bà Trần L, sinh năm 1961. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.
5. Bà Trần X, sinh năm 1967. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.
6. Bà Trần R, sinh năm 1965. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.
7. Ông Đỗ D, sinh năm 1970. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.
8. Ông Giang V, sinh năm 1966. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.
9. Bà Giang KB, sinh năm 1968. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.
Tạm trú: A ấp A, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.
10. Ông Giang T, sinh năm 1970. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.
11. Bà Giang BT. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.
12. Bà Giang BL, sinh năm 1975. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.
Tạm trú: khu phố B, phường T, thành phố TA, tỉnh Bình Dương.
13. Ông Giang G, sinh năm 1978. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 13/6/2019, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần P trình bày:

Cha bà tên Trần M, chết năm nào không nhớ do chết lâu quá, cũng không có làm giấy báo tử; mẹ bà tên Giang E (sinh năm 1931, chết năm 2014). Cha mẹ

bà có tất cả 07 người con gồm bà, bà Trần C (đã chết năm 2014), bà Trần H, bà Trần M, bà Trần L, bà Trần X, ông Trần S.

Ngày 19/02/2001 tại nhà của mẹ bà tên Giang E ngụ ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng có mặt mẹ bà, bà và con gái của bà, mẹ bà có kêu cho bà phần đất hơn hai công ruộng, con gái bà là người viết tờ “Di chúc cho đất trồng lúa lập ngày 19/02/2001”. Vợ chồng ông S thì sống chung nhà với mẹ bà nhưng khi viết di chúc không biết vợ chồng ông S đi đâu không có nhà, sau khi ký tên vào di chúc xong thì bà và mẹ bà đi đến nhà từng người chị em của bà để cho họ ký tên vào di chúc. Sau khi được cho đất thì mẹ bà kêu bà đắp bờ ruộng và canh tác ruộng được khoảng 17-18 năm, đến năm 2019 thì ông S giành lại phần đất này và giao cho ông Đỗ D canh tác đất đến nay. Phần đất này khi mẹ bà di chúc cho bà thì có nghe mẹ bà nói đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất nhưng bà không biết rõ, nguồn gốc thửa đất được biết là mẹ bà chuyển nhượng lại của cậu ruột bà tên Giang VD, quá trình tố tụng bà được biết thửa đất 206 mẹ bà di chúc cho bà vẫn còn ông Giang VD đứng tên QSD đất, ông VD đã chết năm 2013. Giấy chứng nhận QSD đất của ông VD đứng tên theo tôi được biết bản chính hiện nay người con út của ông VD tên Giang G đang giữ, nhưng ông G thì đi thành phố làm thuê, ít khi về quê.

Nay bà yêu cầu công nhận di chúc cho bà phần đất diện tích đo đạc thực tế là 2.853,3m² thuộc một phần thửa đất số 206, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh S; Buộc vợ chồng ông Trần S giao trả phần đất này lại cho bà; Yêu cầu ông Giang G là con của ông Giang VD đang giữ bản chính giấy chứng nhận QSD đất phần đất thửa 206 cho bà tách QSD đất sang tên bà. Rút lại yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Trần S trả số tiền 9.846.000 đồng.

2/ Tại đơn yêu cầu phần tố lập ngày 09/8/2019, biên bản lấy lời khai lập ngày 15/8/2019, bị đơn ông Trần S trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp với bà Trần P là của vợ chồng ông, được mẹ ông là bà Giang E cho vợ chồng ông năm 1994, đất này trước đây mẹ ông mua lại của cậu ruột tên ông Giang VD, mua năm 1994 và sau khi mua đất thì mẹ ông cho vợ chồng ông phần đất này luôn do vợ chồng ông là con út sống chung với mẹ ông, khi cho đất thì không có làm giấy tờ cho đất vì mẹ con sống chung nhà, khi làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận QSD đất là sang tên từ cậu ruột ông Giang VD qua cho vợ chồng ông đứng tên QSD đất luôn, vợ chồng ông được cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa số 224, diện tích là 7.600m². Phần đất này là của vợ chồng ông, mẹ ông chết năm 2014, khi mẹ ông còn sống thì không có nghe bà P đề cập đến tờ di chúc năm 2001 mà mẹ ông đã di chúc cho bà P, phần đất này ông canh tác đến ổn định đến năm 2015 thì được cấp giấy chứng nhận QSD đất, mẹ ông không có lằng tay vào di chúc cũng không có cơ quan nào chứng thực dấu lằng tay của mẹ ông, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P.

3/ Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần R lập ngày 30/7/2024, bà R trình bày:

Bà đã có chồng về ấp T, xã L, thị xã N khoảng gần 40 năm nên bà không có biết gì về việc tranh chấp, bà không có ký tên vào tờ di chúc lập ngày 19/02/2001 do bà P cung cấp, bà cũng không biết mẹ bà có di chúc cho đất bà P

hay không. Bà cũng không có dính líu hay yêu cầu chia thừa kế gì về phần đất này.

4/ *Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ D lập ngày 10/7/2024, ông D trình bày:*

Phần đất tranh chấp giữa bà Phụng và ông S thì hiện nay ông đang canh tác, do ông cố lại của vợ chồng ông S, cố một công là 40.000.000 đồng, có làm giấy cố đất viết tay, cố đất đến 06 công tầm cây, ông cũng không nhớ cố đất năm nào, cũng khoảng 04-05 năm nay, từ lúc cố đất thì vợ chồng ông S giao đất cố cho ông canh tác luôn đến nay. Thời hạn cố đất thì không có thỏa thuận, khi nào vợ chồng ông S có tiền chuộc đất lại thì ông cho chuộc lại đất cố, ông không có yêu cầu gì trong vụ việc này. Khi xét xử giao đất lại cho ai thì người đó phải trả tiền cố đất lại cho ông thì mới lấy đất cố lại.

5/ *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn có mặt đã chấp hành đúng quy định triệu tập của BLTTDS; còn bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần P về việc yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 19/02/2001 và buộc ông Trần S trả lại phần đất có diện tích thực tế là 2.853,3m² thuộc một phần thửa đất số 206, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh S. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần P đối với yêu cầu rút lại số tiền bồi thường 8.946.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn rút lại một phần đơn khởi kiện. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu rút lại một phần đơn kiện: bà P rút lại yêu cầu buộc ông S bồi thường số tiền cất lúa là 8.946.000 đồng. Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử phần này.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn bà Trần P yêu cầu công nhận di chúc cho bà phần đất diện tích đo đạc thực tế là 2.853,3m² thuộc một phần thửa đất số 206, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh S theo Tờ di chúc cho đất lập

ngày 19/02/2001. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Bà P và ông S thống nhất xác định phần đất tranh chấp hiện nay diện tích đo đạc thực tế là 2.853,3m² thuộc một phần thửa đất số 206, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh S. Phần đất này hiện nay ông S đang giao cho ông Đỗ D canh tác đất. Đây là các tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Diện tích phần đất các bên tranh chấp 2.853,3m² thuộc một phần thửa đất số 206, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh S. Theo công văn số 321/CNNN ngày 01/8/2022 của Chi nhánh N xác định thửa đất 206 các bên đang tranh chấp đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Giang VD. Như vậy, đối tượng được di chúc tại thời điểm lập di chúc ngày 19/02/2001 cũng như đến thời điểm hiện nay vẫn chưa được xác định là di sản thừa kế của bà Giang E chết để lại.

[3.3] Về hiệu lực di chúc: Tại khoản 3 Điều 643 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Di chúc không có hiệu lực, nếu di sản để lại cho người thừa kế không còn vào thời điểm mở thừa kế....*”. Theo phân tích tại mục [3.2] thì phần đất tranh chấp bà P yêu cầu công nhận di chúc đến thời điểm hiện nay vẫn chưa được xác định là di sản của bà Giang E. Cho nên di chúc lập ngày 19/02/2001 không có hiệu lực về nội dung.

[3.4] Về hình thức của di chúc: Tại Điều 634 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Di chúc bằng văn bản có người làm chứng: “*Trường hợp người lập di chúc không tự mình viết bản di chúc thì có thể tự mình đánh máy hoặc nhờ người khác viết hoặc đánh máy bản di chúc, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc. Việc lập di chúc bằng văn bản có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 631 (nội dung di chúc) và Điều 632 (người làm chứng cho việc lập di chúc) của Bộ luật dân sự năm 2015*”.

[3.5] Theo bà P trình bày di chúc lập ngày 19/02/2001 do con gái bà viết dùm, chỉ có bà và mẹ bà là hai người ký tên trực tiếp, sau đó đem di chúc đến nhà các chị em của bà để cho ký tên vào di chúc nhưng qua làm việc với bà Trần R là một trong những người có ký tên vào di chúc nhưng bà R không thừa nhận có ký tên vào di chúc cũng không biết việc mẹ bà di chúc cho bà P. Còn hai người ký tên xác nhận vào di chúc là bà Trần H và bà Trần X thì không có xác nhận chữ ký và điểm chỉ trong tờ di chúc là của bà Giang E theo quy định về việc xác nhận của người làm chứng trong di chúc được quy định tại Điều 634 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 1 Điều 632 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định người thừa kế theo di chúc không được làm người làm chứng cho việc lập di chúc nên việc bà P ký tên vào tờ di chúc cũng không hợp pháp.

[3.6] Từ những phân tích nêu trên cho thấy Tờ di chúc cho đất trồng lúa ngày 19/02/2001 không phù hợp về nội dung lẫn hình thức theo quy định tại Điều 634 và Điều 643 của Bộ luật dân sự năm 2015. Cho nên yêu cầu khởi kiện

của bà P về việc yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 19/02/2001 là không có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do không được công nhận di chúc nên không công nhận phần đất có diện tích thực tế 2.853,3m² thuộc một phần thửa đất số 206, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh S cho bà Trần P. Cho nên yêu cầu đòi lại QSD đất của bà P không có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu bổ sung buộc ông Giang G đưa cho bà P giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông Giang VD tại thửa đất số 206 để cho bà P tách QSD đất là chưa có yêu cầu khởi kiện, chưa được Tòa án thụ lý giải quyết nên yêu cầu này đã vượt quá phạm vi đơn khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu bổ sung này của bà P, cho nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về chi phí thẩm định, định giá: Số tiền 9.787.040 đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P không được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự buộc bà P phải chịu, bà P đã nộp xong.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà P không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí nhưng bà P có đơn xin miễn tạm ứng án phí với lý do là người cao tuổi và thuộc trường hợp được miễn án phí theo các quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho bà P.

[8] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147, Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 166, 631, 632, 634, 643 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần P về việc yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 19/02/2001. Và yêu cầu ông Trần S, bà Nguyễn A trả lại phần đất.

Phần đất không được chấp nhận có diện tích đo đạc thực tế là 2.853,3m² thuộc một phần thửa đất số 206, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh S do ông Giang VD đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có số đo, tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 351, số đo: 40,83m

Hướng Tây giáp thửa đất số 323, có số đo: 40,82m

Hướng Nam giáp thửa đất số 355, có số đo: 69,73m

Hướng Bắc giáp thửa đất số 316, có số đo: 70,13m

Kèm theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Trần P về việc yêu cầu ông Trần S bồi thường số tiền cắt lúa là 8.946.000 đồng (Tám triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

3/ Về chi phí thẩm định, định giá: Số tiền 9.787.040 đồng (Chín triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn, lẻ bốn đồng), bà P phải chịu và bà P đã nộp xong.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần P được miễn toàn bộ án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền có mặt được kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng